

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Yến Linh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Ông Nguyễn Văn Đô

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 165/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXXST-DS ngày 10/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2021.

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Phạm Ngọc O** , sinh năm: 1971

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường Đức Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân C**, sinh năm: 1968

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường Đức Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà O, vắng mặt ông C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Ngọc O trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Phạm Ngọc O và ông Nguyễn Xuân C tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau, đến năm 1994 thì đi đến kết hôn tại UBND xã Hàm C, huyện Hàm Thuận N, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/10/1994.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, từ năm 1996 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp nhau, tôi cảm thấy không thể hòa hợp được với ông C , vợ chồng không có tiếng nói chung, ông C không lo phụ giúp nuôi

con, một mình tôi gánh vác mọi việc trong gia đình. Ông bà thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống cũng như không có trách nhiệm. Ông bà hoàn toàn sống ly thân với nhau, nay bà nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông C để tôi ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Xuân T (giới tính: Nam), sinh ngày 25/3/1995 và Nguyễn Ngọc Tiểu M (giới tính: Nữ) sinh ngày 26/9/2008. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con Nguyễn Ngọc Tiểu M và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Xuân T đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xét.

Về tài sản chung : Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Phạm Ngọc O vẫn giữ nguyên tất cả các yêu cầu tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2021, 10/5/2021.

*** *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Xuân C trình bày:***

Tôi và bà O tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Hàm C, thành phố P, tỉnh Bình Thuận vào năm 1994.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc với nhau, đến nay thì vợ chồng cũng không xảy ra mâu thuẫn gì, tôi không biết lý do vì sao bà O lại có đơn đến Tòa để xin ly hôn tôi, trong thời gian chung sống tôi không có lỗi lầm gì với bà O, nay tôi vẫn còn tình cảm với bà O và muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho lắng các con. Nay bà O có đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn và đề nghị hàn gắn để vợ chồng nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Xuân T (giới tính: Nam), sinh ngày 25/3/1995 và Nguyễn Ngọc Tiểu M (giới tính: Nữ) sinh ngày 26/9/2008. Nếu giải quyết ly hôn, con Nguyễn Ngọc Tiểu M đã trên 7 tuổi, việc cháu M muốn ở với ai thì tùy cháu tự quyết định, tôi tôn trọng ý kiến của cháu và không tranh chấp con với bà O. Con chung Nguyễn Xuân T đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xét.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Xuân C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C chỉ đến Tòa làm bản tự khai, tham gia hòa giải, sau đó cố tình vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án nhân dân thành phố tiến hành xét xử vắng mặt ông C .

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

*** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- *Về tố tụng*: Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng theo thủ tục. Hội đồng xét xử đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa bà Oanh, ông C đã trầm trọng. Do đó, căn cứ Điều 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Phạm Ngọc O về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Xuân C.

Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014 đề xuất giao cháu Nguyễn Ngọc Tiểu M (giới tính: nữ) sinh ngày 26/9/2008 cho bà O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu ông C cấp dưỡng tiền nuôi con, do đó đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Phạm Ngọc O làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Xuân C, ông C có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú là Khu phố 5, phường Đức Th, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Xuân C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C chỉ đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia phiên hòa giải, sau đó thì không đến Tòa án nữa. Căn cứ vào Điều 70, Điều 72, Điều 92, điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem như ông C đã tự khước từ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phạm Ngọc O Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Phạm Ngọc O và ông Nguyễn Xuân C tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau, đến năm 1994 UBND kết hôn tại UBND xã Hàm C, huyện Hàm Thuận N, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/10/1994 nên quan hệ hôn nhân của bà O và ông C là hợp pháp.

Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Qua lời khai của bà O thì bà và ông C không còn hạnh phúc, ông bà không còn quan tâm, tôn trọng, chung sống với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, ông bà đã tự sống xa nhau từ 2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông C cũng thừa nhận mặc dù vợ chồng sống chung một nhà nhưng giữa vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm sống và trong việc giáo dục các con, mặc dù đã nhiều lần cố gắng níu kéo nhưng không thể hàn gắn được mối quan hệ này. Điều này chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân của ông bà đã thật sự rạn nứt, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi và nhằm ổn định cuộc sống cho các bên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O là phù hợp.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Xuân T (giới tính: nam), sinh ngày 25/3/1995 và Nguyễn Ngọc Tiểu M (giới tính: nữ) sinh ngày 26/9/2008. Hiện nay cháu M đang sống chung cùng bà O, sau khi ly hôn bà O có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên M. Xét yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi phải bảo đảm đời sống của các cháu được ổn định, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất và tại bản tự khai cháu M cũng có yêu cầu được ở với mẹ, để mẹ nuôi dưỡng và chăm lo vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà O giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tiểu M cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Riêng con chung Nguyễn Xuân T đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xét.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà O không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ông C, nên HĐXX không xét.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến trình bày của đương sự, cũng như quan điểm đề nghị tại Tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Phạm Ngọc O, yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Nguyễn Phạm Ngọc O phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, khoản 01 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 70, Điều 72, Điều 92, điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Phạm Ngọc O.

Bà Nguyễn Phạm Ngọc O được ly hôn với ông Nguyễn Xuân C

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tiểu M (giới tính: nữ) sinh ngày 26/9/2008 cho bà Nguyễn Phạm Ngọc O tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chưa thành niên, các con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự

hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Riêng con chung Nguyễn Xuân T (giới tính: nam), sinh ngày 25/3/1995 đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà O không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ông C, nên HĐXX không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Phạm Ngọc O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 07/4/2021 bà O đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Phan Thiết thu biên lai số 0003853 nay được chuyển sang án phí. Bà O đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt bà O, vắng mặt ông C . Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Phạm Ngọc O là 15 ngày tính từ ngày tuyên án (07/6/2021), của ông Nguyễn Xuân C là 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Thi hành án dân sự Phan Thiết;
- UBND xã, phường (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Yến Linh

Nguyễn Văn Đô Nguyễn Thị Viết Sáu

Đỗ Thị Yên Linh